TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 01**/2023/HS-ST
Ngày: 11/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Đình Quang

Ông Nguyễn Tiến Chuyển

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 290/2022/TLST - HS ngày 24/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308 /2022/QĐXXST-HS ngày 05/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐ – HSST ngày 20/12/2022 đối với bị cáo:

Phạm Hồng H, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Phạm Thị L; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2021 hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 1 Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Anh Phạm Trọng H, sinh 1997 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 8B, ngõ 201, phường V, quận H, thành phố Hà Nội điện thoại 0972333197.

- Anh Vũ Thành C, sinh năm 2000. (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Tổ 36, khu 4 H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

-Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2001. (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã D, huyện V, H Phòng.

Nơi ở hiện nay: Tòa F, số 36 P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Thiều Văn N, sinh năm 1965. (vắng mặt)

HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Cửa hàng cầm đồ số 916C đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

- Anh Vũ Thanh H, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ cửa hàng cầm đồ: Số 184 Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1996. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 998 đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

-Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: số nhà 218, đường M, phường M, quận N, Hà Nội.

- Anh Bùi Đức T, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: số 167 Ngõ 63 L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: số 167 ngõ 63 L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, Phạm Hồng H thuê các căn hộ tại tòa nhà F, số 36 P, phường M, quận N, Hà Nội rồi cho khách thuê lại để hưởng tiền chênh lệch trong đó có anh Phạm Trọng H, Vũ Thành C và chị Nguyễn Thị L đã thuê phòng trọ của H. Do làm ăn thua lỗ và cần tiền chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định mượn tài sản của anh Trọng H, anh C và chị L sau đó mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá

nhân. Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2020 đến tháng 12/2020, H đã nhiều lần hỏi mượn tài sản của anh C, anh Trọng H và chị L sau đó chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy tiền để chi tiêu cá nhân. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Phạm Hồng H do có ý định chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Wave alpha màu trắng BKS: 29S1 - 644.83 của anh Phạm Trọng H nên ngày 25/6/2020, H đã liên hệ hỏi mượn anh Trọng H xe máy với lý do mượn đi có việc đến tối sẽ mang trả lại. Anh Trọng H do tin tưởng nên đồng ý cho H mượn xe trong ngày và đã giao chìa khóa xe cho H tại căn hộ P.2915 của tòa nhà F để H xuống tầng hầm tòa nhà lấy xe. Ngay sau khi mượn được xe máy của anh Trọng H, H đem xe đi tìm nơi cầm cố nhưng do H không cung cấp được đăng ký xe nên không cầm cố được. H sau đó sử dụng xe làm phương tiện đi lại cho đến khoảng tháng 11/2020 thì mang xe đến cửa hàng cầm đồ tại 916C đường L, phường Y, quận Đ, Hà Nội để cầm cố được 11.000.000 đồng và H đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định chủ cửa hàng cầm đồ trên là ông Thiều Văn N (SN: 1965; HKTT: thôn V, xã Đ, huyện Đ, Thanh Hóa), ông N khai đã kiểm tra sổ sách của cửa hàng nhưng không có thông tin nhận cầm cố chiếc xe máy trên và khai không quen biết Phạm Hồng H nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ và thu hồi được vật chứng.

Vụ thứ hai: Ngày 03/8/2020, cũng với thủ đoạn trên, Phạm Hồng H vờ hỏi mượn chiếc đồng hồ Apple Watch series 3 màu đen của anh Vũ Thành C để đi chơi. Anh C do tin tưởng nên đã giao tài sản trên cho H tại căn hộ phòng 2915 của tòa nhà F để sử dụng. Ngay sau khi mượn được đồng hồ của anh C, H đã đem đến cửa hàng cầm đồ do anh Vũ Thanh H (SN: 1992; HKTT: xã Q, huyện K, Thái Bình) tại số 186 Y, quận C, Hà Nội cầm cố được 3.000.000 đồng. Hết hạn cầm cố, H không đến thanh toán lãi và chuộc lại đồng hồ nên anh Hồng H đã bán cho khách không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng.

Vụ thứ ba: Ngày 8/9/2020, Phạm Hồng H tiếp tục vờ hỏi mượn anh Vũ Thành C chiếc máy tính xách tay hiệu ASUS X407UA core i3, 6006U, Ram 4gb, ổ cứng 01 TB, màn hình 14” màu vàng để sử dụng. Sau khi mượn được tài sản, H đã đem máy tính đến cửa hàng cầm đồ “H” của chị Lê Thị H (SN: 1996; Nơi ở: 998 đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội) tại số 998 đường L, phường Y, quận Đ, Hà Nội, cầm cố được 3.000.000 đồng. Hết hạn cầm cố, H không đến chuộc máy tính nên chị Thị H đã bán cho khách không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng.

Vụ thứ tư: Ngày 24/11/2020, Phạm Hồng H tiếp tục liên hệ hỏi mượn chị Nguyễn Thị L chiếc Laptop Macbook Retina 2017 với lý do để sử dụng trong công việc. Chị L do tin tưởng nên đã cho H mượn Laptop tại căn hộ phòng 715 của tòa F để sử dụng. Tuy nhiên, sau khi mượn được Laptop trên thì H đã đem đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q (SN: 1992; HKTT: Xóm 3, xã H, huyện H, Nam Định) tại số 218 đường M, phường M, quận N, Hà Nội cầm cố được số tiền 7.000.000 đồng. Đến ngày 4/12/2020, H đến cửa hàng chuộc máy tính rồi mang

đến cửa hàng cầm đồ của anh Bùi Đức T (SN: 1992; Nơi ở: phường M, quận N, Hà Nội) tại 167 ngõ 63 L, phường M, quận N, Hà Nội cầm cố được 6.000.000 đồng sau đó H đã chuộc lại và lại tiếp tục cầm cố nhiều lần cùng với giá 6.000.000 đồng do biết máy tính có giá trị cao. Đến ngày 15/1/2021, H tiếp tục mang máy tính đến cửa hàng cầm đồ của anh T cầm cố tiếp được 7.000.000 đồng. Đến hết hạn cầm cố, do H không đến chuộc máy tính nên anh T đã bán cho khách không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng.

Sau khi cho Phạm Hồng H mượn tài sản, anh Vũ Thành C, anh Phạm Trọng H và chị Nguyễn Thị L không thấy H trả lại tài sản nên đã nhiều lần liên hệ đòi lại nhưng H lấy nhiều lý do khác nhau để lấy cớ không trả lại và để các bị hại không thúc giục và đòi tài sản. Đến ngày 26/3/2021, do không thấy H trả tài sản nên anh C, anh Trọng H và chị L đã đến phòng trọ của H tìm và biết H đã bỏ đi khỏi phòng trọ. Anh C, anh Trọng H và chị L sau đó đã gọi điện và nhắn tin cho H theo số điện thoại "0377737775" của H nhưng không thấy H trả lời. Ngày 12/4/2021, anh Vũ Thành C, anh Phạm Trọng H và chị Nguyễn Thị L đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hồng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và khai số tiền cầm cố tài sản chiếm đoạt được H đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy cầm đồ chiếc đồng hồ Apple Watch series 3, 42mm màu đen; 01 tờ giấy cầm đồ chiếc máy tính xách tay hiệu ASUS X407UA, core i3, 6006U, Ram 4gb, ổ cứng 01 TB, màn hình 14" màu vàng; 01 tờ giấy cầm đồ chiếc máy tính Macbook Retina 2017 màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 208 ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: 01 chiếc đồng hồ Apple Watch series 3. 42mm màu đen trị giá: 2.500.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu ASUS X407UA, core i3, 6006U, Ram 4gb, ổ cúng 01 TB, màn hình 14", màu vàng trị giá: 4.000.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng, BKS: 29S1 – 644.83 trị giá: 11.000.000 đồng; 01 máy tính Macbook Retina 2017 màu vàng trị giá 17.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Phạm Hồng H chiếm đoạt là 34.500.000 đồng.

Đối với chị Lê Thị H, anh Vũ Thanh H, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn T và anh Bùi Đức T: Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố tài sản của H, chị Thị H, anh Thanh H, anh Q, anh T và anh Đức T đều không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập để xử lý.

Đối với ông Thiều Văn N, do ông N không thừa nhận đã cầm cố xe của Phạm Hồng H và ngoài lời khai của H, Cơ quan điều tra không có tài liệu khác chứng minh nên không có cơ sở để làm rõ và xử lý.

Ngày 06/7/2021, Cơ quan điều tra có bản kết luận điều tra số 200 đề nghị truy tố đối với Phạm Hồng H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 19/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã có cáo trạng số 189 truy tố đối với Phạm Hồng H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã xét xử và tuyên phạt Phạm Hồng H 21 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Sau đó, anh Phạm Trọng H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trọng H khai ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản trên, H còn có hành vi chiếm đoạt của anh Trọng H số tiền 8.000.000 đồng thông qua việc anh Trọng H góp vốn mở quán cà phê và chiếm đoạt số tiền 113.000.000 đồng thông qua việc anh Trọng H góp tiền đầu tư tài chính cho H nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại.

Kết quả điều tra lại xác định:

1. Khoảng giữa năm 2020, Phạm Hồng H có nhu cầu thuê nhà tại khu đô thị V, phường T, quận N, Hà Nội để mở quán cafe. Qua tìm hiểu, H biết được chị Nguyễn Thị Thanh H (SN: 1977; HKTT: phường T, quận Đ, Hà Nội) cho thuê căn shophouse S1.0601SH09, S1.0602SH09 và anh Trần Hữu P (SN: 1974; HKTT: phường T, quận T, Hà Nội) cho thuê căn S1.0601SH10, S1.0602SH10 nên H có nói với anh Phạm Trọng H biết về việc H có ý tưởng mở quán cà phê nên anh Trọng H có ý định góp vốn chung với H và cùng H đi xem nhà để thuê nhưng sau đó, do không có tiền nên H không liên lạc với chủ nhà để thuê nhà nữa. Đến khoảng tháng 12/2020, do không có tiền chi tiêu và biết Trọng H muốn góp vốn đầu tư mở quán cà phê cùng nên H đã nảy sinh ý định lừa tiền của anh Trọng H. H sau đó đã nhắn tin cho anh Trọng H nói dối là H đã đặt cọc tiền để thuê căn SH09 hiện còn thiếu 8.000.000 đồng để thuê căn SH10 đồng thời gửi cho anh Trọng H xem 01 bản hợp đồng thuê căn SH10 để anh Trọng H tin tưởng, đưa tiền nhưng thực tế, H không đặt cọc tiền thuê căn hộ nào. Do tin tưởng nên ngày 19/12/2020, anh Trọng H đã dùng tài khoản số 0660199706666 của mình tại ngân hàng MBBank chuyển khoản số tiền 8.000.000 đồng đến tài khoản số 3500111116789 mang tên Phạm Hồng H tại ngân hàng MBBank để góp tiền thuê nhà mở quán cà phê với H. Sau khi nhận được số tiền trên H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Đối với số tiền 113.000.000 đồng anh Trọng H khai chuyển cho H để đầu tư. Tại Cơ quan điều tra, H khai đã rủ anh Trọng H đầu tư vào sàn giao dịch Bitcoin trên mạng, anh Hòa đồng ý góp tiền đầu tư chung. Từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2020, anh Trọng H đã chuyển cho H tổng số tiền 113.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H đã chuyển tiền của anh Trọng H và tiền của H cho X (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) để đầu tư Bitcoin trên mạng. Thời gian đầu, anh Trọng H có nhận được tiền lãi từ việc đầu tư trên nhưng sau đó, sàn giao dịch bị sập và X bỏ trốn, bản thân H khi đầu tư cũng bị mất tiền nên H không trả lại được cho anh Trọng H. Tại cơ quan điều tra, anh Trọng H khai có tham gia góp tiền để đầu tư tài chính, công nghệ thông tin với H và có nhận được tiền lãi nhưng anh

Trọng H không xác định được cụ thể số tiền lãi đã nhận và không xác định được tài khoản đã chuyển lãi cho anh Trọng H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã đấu tranh với H đồng thời đã tổ chức đối chất giữa H với anh Trọng H để làm rõ đối tượng T và việc sử dụng số tiền 113.000.000 đồng đã nhận của anh Trọng H và sau đó, Cơ quan điều tra cũng đã gửi công văn xác minh ngân hàng để làm rõ các bút toán liên quan đến giao dịch chuyển tiền của H sau khi nhận tiền từ anh Trọng H, để xác định đối tượng X nhưng do H khai không xác định được X và do hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết quả trả lời của ngân hàng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Nam Từ Liêm đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến X và số tiền 113.000.000 đồng để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Về dân sự: Anh Phạm Trọng H đã nhận bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên yêu cầu bồi thường 14.000.000 đồng còn lại (gồm 6.000.000 đồng liên quan đến chiếc xe bị chiếm đoạt và 8.000.000 đồng bị chiếm đoạt khi góp vốn mở quán cà phê); chị Nguyễn Thị L yêu cầu H bồi thường 17.000.000 đồng; chị Phạm Thị Minh Đ (SN: 1984; HKTT: C, Thành phố H, tỉnh Hải Dương) đại diện gia đình H đã bồi thường cho anh Vũ Thành C số tiền 5.000.000 đồng. Anh C không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho H.

Tại Bản cáo trạng số 290/CT-VKSNTL ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Phạm Hồng H về tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Hồng H khai nhận hành vi phạm tội của mình H thừa nhận với mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại để sử dụng chi tiêu cá nhân. Bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trọng H tổng giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng, BKS: 29S1 – 644.83 là: 14.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo bồi thường cho anh Hòa là 17.000.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị L theo yêu cầu của chị L là 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại là anh Phạm Trọng H tự thỏa thuận với bị cáo về bồi thường cho anh Trọng H tổng giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu trắng, BKS: 29S1 – 644.83 là: 14.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo bồi thường cho anh Trọng H là 17.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Trọng H trình bày: Kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của H về việc sử dụng số tiền 113.000.000 đồng để có kết luận chính xác có phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay không. Nếu có hành vi lừa đảo yêu cầu truy tố và xét xử bị cáo bằng một vụ án khác. Không tranh luận về hình phạt và bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 290/CT-VKSNTL ngày 21/11/2022 và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử bị cáo Phạm Hồng H từ 24 đến 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Hồng H bồi thường cho anh Phạm Trọng H số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) và chị Nguyễn Thị L số tiền 17.000.000đ.(mười bảy triệu đồng).

- Truy thu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của bị cáo do thu lời bất chính để sung công quỹ nhà nước

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Nam Từ Liêm tiếp tục điều tra về hành vi bị cáo đã sử dụng số tiền 113.000.000 đồng để xử lý theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Hồng H đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các biên bản, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở xác định:

Vụ thứ nhất: Ngày 19/12/2020, tại P1515 tòa nhà F, số 36 P, phường M, quận N, Hà Nội, Phạm Hồng H đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền thuê nhà để mở quán cà phê để anh Phạm Trọng H tin tưởng chuyển cho H số tiền 8.000.000 đồng góp vốn đầu tư mở quán cà phê chung, qua đó H đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Hậu quả chưa khắc phục. Anh Trọng H yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 25/6/2020, tại tòa nhà F, số 36 P, phường M, quận N, Hà Nội, Phạm Hồng H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Wave alpha màu trắng BKS: 29S1 – 644.83 trị giá 11.000.000 đồng của anh Phạm Trọng H.

Vật chứng không thu hồi được. Hậu quả đã khắc phục một phần (5.000.000 đồng). Anh Trọng H yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng còn lại.

Vụ thứ ba: Ngày 03/8/2020, tại tòa nhà F, số 36 P, phường M, quận N, Hà Nội, Phạm Hồng H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc đồng hồ Apple Watch series 3, 42mm màu đen trị giá 2.500.000 đồng của anh Vũ Thành C.

Vật chứng không thu hồi được.

Vụ thứ tư: Ngày 8/9/2020, tại tòa nhà F, số 36 P, phường M, quận N, Hà Nội, Phạm Hồng H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc máy tính xách tay hiệu ASUS X407UA, core i3, 6006U, Ram 4gb, ổ cứng 01 TB, màn hình 14" màu vàng trị giá 4.000.000 đồng của anh Vũ Thành C. Vật chứng không thu hồi được.

Hậu quả (vụ thứ 3 và 4) đã được gia đình bị can khắc phục trả cho anh C số tiền 5.000.000 đồng. Anh C không có yêu cầu bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Vụ thứ năm: Ngày 12/11/2020, tại tòa nhà F, 36 P, phường M, quận N, Hà Nội, Phạm Hồng H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc máy tính Macbook Retina 2017 màu vàng trị giá 17.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị L.

Vật chứng không thu hồi được. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu H bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Phạm Hồng H đã chiếm đoạt là 42.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Phạm Hồng H đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức về điều khiển hành vi, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Như vậy khẳng định bị cáo H là người lười lao động, không chịu tu dưỡng bản thân để thành người có ích cho xã hội, thể hiện thái độ bất chấp pháp luật, nên đối với bị cáo H cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình phạt, xét bị cáo H tại phiên tòa khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, hậu quả đã được khắc phục một phần, anh C đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo H còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, còn phải bồi thường một khoản tiền cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

+ Anh Vũ Thành C đã được bồi thường số tiền là 5.000.000 đ và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh Phạm Trọng H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.000.000 đ. Bị cáo và anh Trọng H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho nhau tổng số tiền 17.000.000 đồng nên cần được chấp nhận.

+ Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.000.000 đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 1.000.000 đ (một triệu đồng) bị cáo thu lời bất chính cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và án phí dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[8] Về kháng cáo: Bị cáo H, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm g khoản 1 điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2021.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 589 của Bộ luật dân sự,

+Buộc bị cáo Phạm Hồng H phải bồi thường cho anh Phạm Trọng H số tiền là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) và chị Nguyễn Thị L số tiền là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

+ Truy thu số tiền 1.000.000 đ (một triệu đồng) của bị cáo Phạm Hồng H do thu lời bất chính sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo Phạm Hồng H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phảitrả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền đến hạn còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo : Bị cáo, anh Trọng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án những phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Các Bị hại.
- NCQLNVLQ
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Nhâm